FireAnt

CTCP Thuỷ Điện Miền Nam (HSX: SHP)

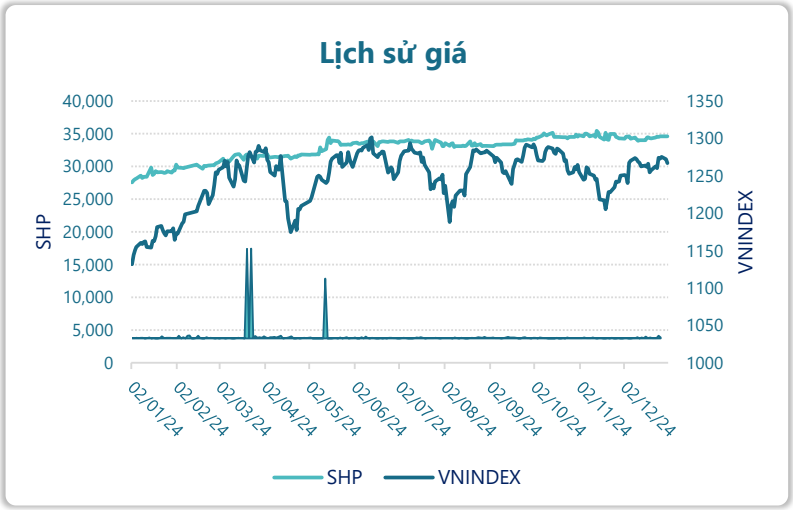

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**34,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,566
SL cổ phiếu LH	101,206,352
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,510
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,502
P/E	11.8
EPS	2,924

DT thuần

Q4/24

239

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00| 3.1%

YoY: ▲ 48.0| 25.3%

LN sau thuế

Q4/24

130

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00| -6.5%

YoY: ▲ 49.7| 61.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

53.5%

+/- YoY: ▲ 4.4%

DT thuần

2024

628

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.0| -5.0%

LN sau thuế

2024

296

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21.0| 7.5%

ROE

2024

22.0%

+/- YoY: ▲ 2.3%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

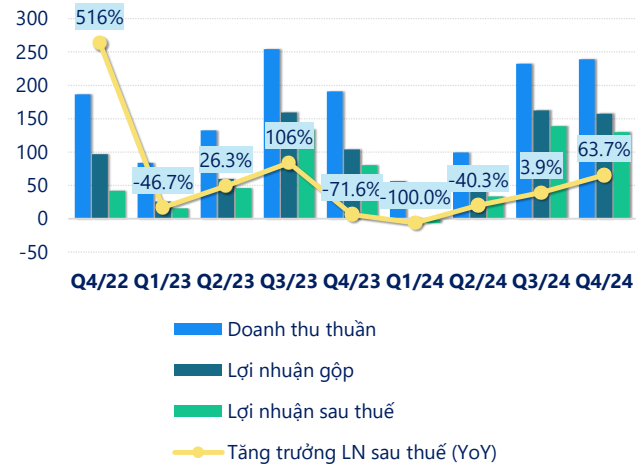

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

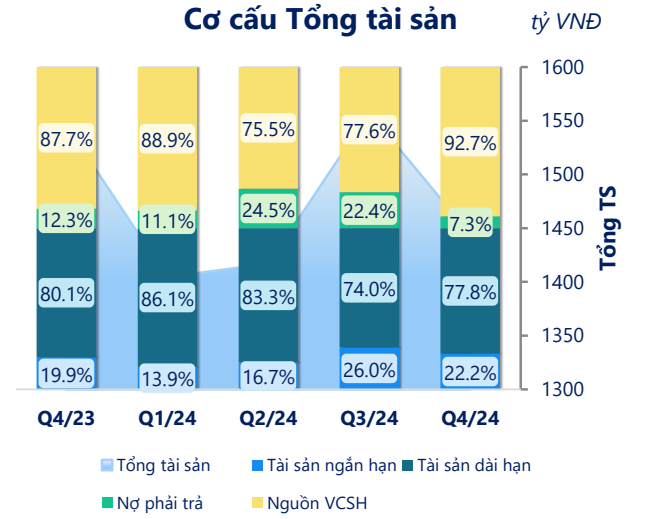

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

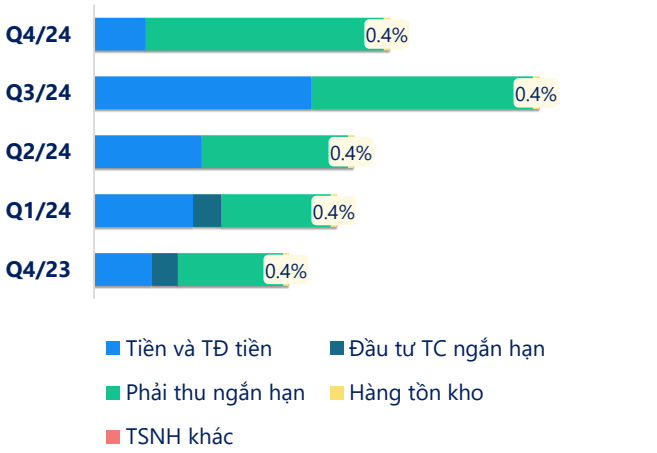

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

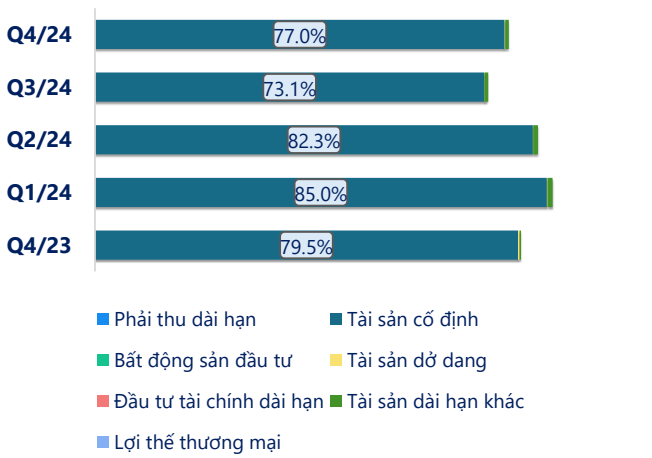

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

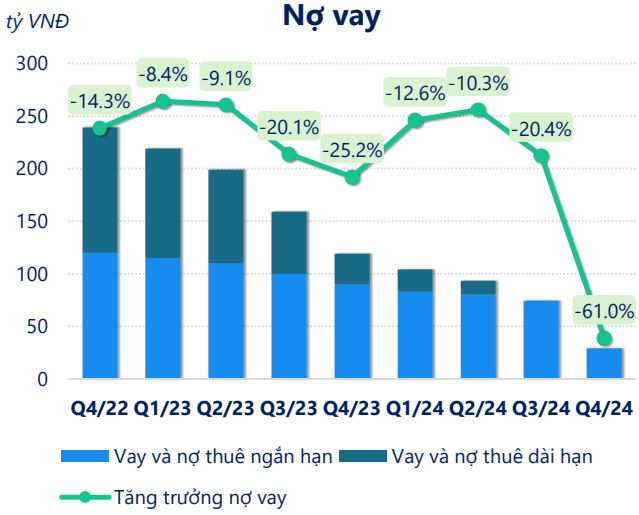

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

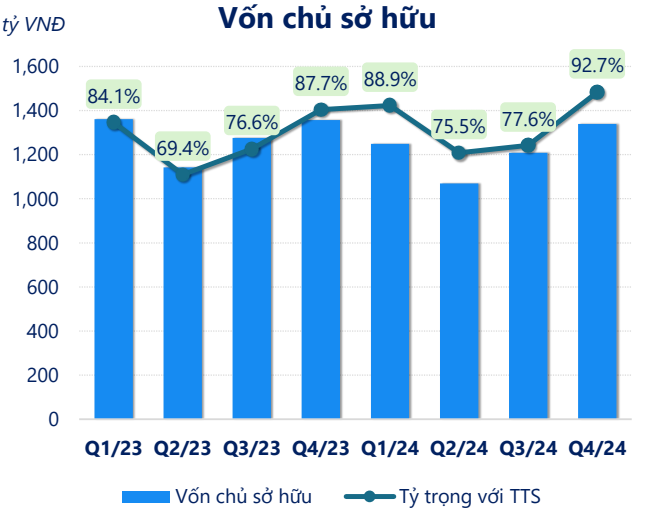

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

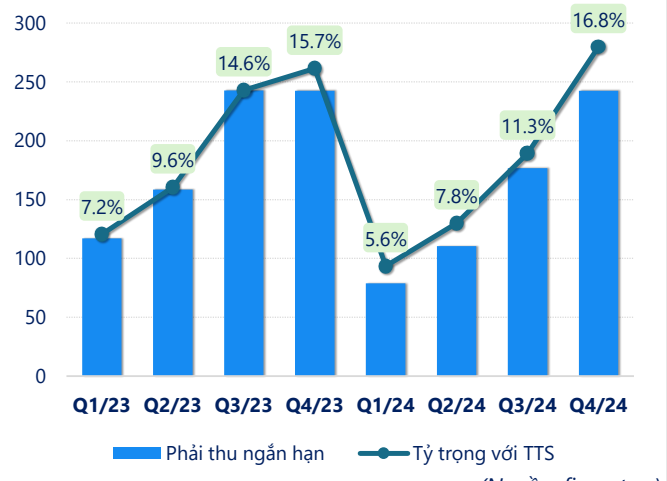

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

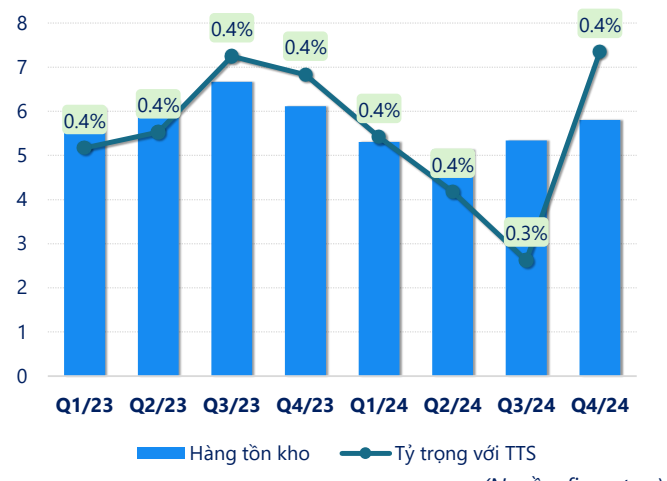

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

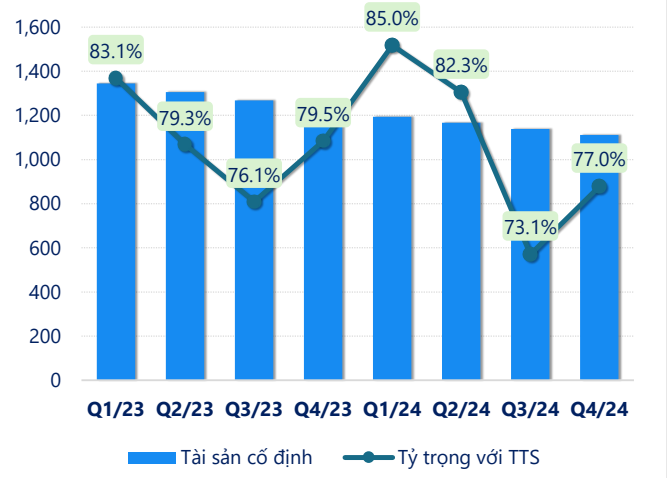

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

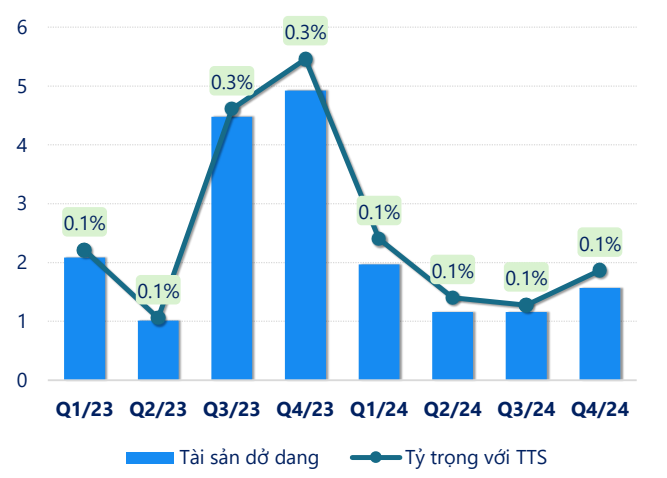

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

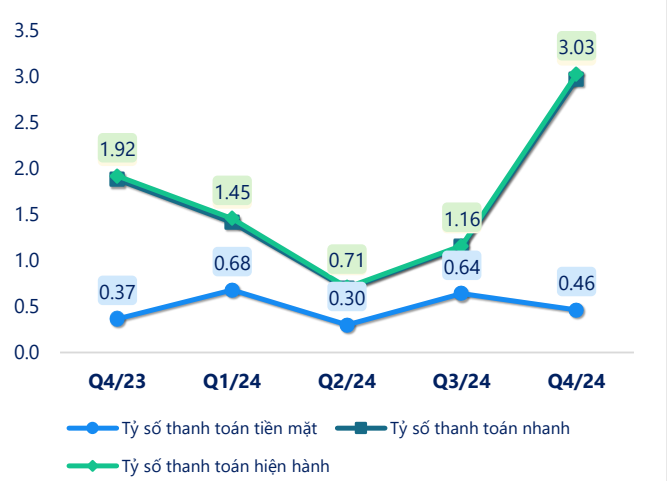

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

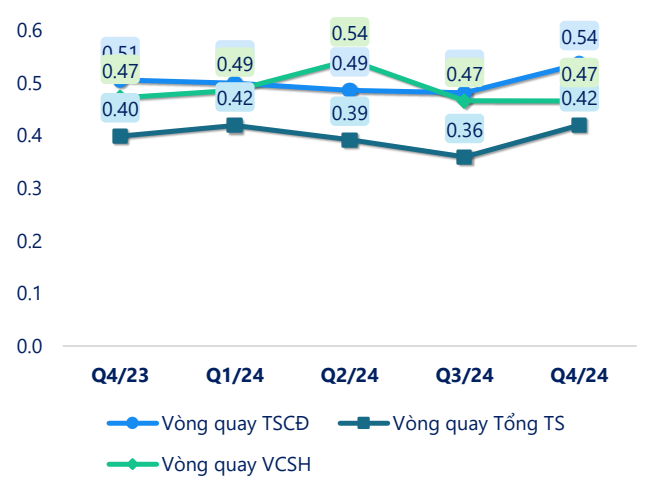

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,546**	**1,404**	**1,417**	**1,557**	**1,444**
Tài sản ngắn hạn	**308**	**196**	**236**	**405**	**320**
Tiền và tương đương tiền	58.9	91.5	100	223	49.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	20.0	20.0	0	22.0
Phải thu ngắn hạn	242	78.9	110	177	242
Hàng tồn kho	6.11	5.31	5.13	5.34	5.80
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.14	0.18	0.19	0.72
Tài sản dài hạn	**1,238**	**1,209**	**1,181**	**1,152**	**1,124**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.70	0.70	0.70
Tài sản cố định	1,230	1,193	1,166	1,139	1,112
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.92	1.97	1.16	1.16	1.57
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.67	13.4	12.8	11.4	10.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**189**	**156**	**347**	**349**	**106**
Nợ ngắn hạn	**160**	**135**	**334**	**349**	**106**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.0	83.0	80.3	74.3	29.0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.12	6.96	0.65	1.44	3.07
Nợ dài hạn	29.0	21.0	13.0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	29.0	21.0	13.0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,356**	**1,249**	**1,070**	**1,209**	**1,339**
Vốn chủ sở hữu	**1,356**	**1,249**	**1,070**	**1,209**	**1,339**
Vốn điều lệ	1,012	1,012	1,012	1,012	1,012
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)